

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tăng hơn 15 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,402.06 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 15/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Truyền thông tăng mạnh nhất, theo sau là ngành Ngân hàng, Ô tô và phụ tùng, Tài nguyên cơ bản,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này tiếp tục mua ròng mạnh hơn 1.2 nghìn tỷ trên sàn HSX. Chỉ số hôm nay đã có một phiên breakout qua vùng tâm lý 1,400 điểm kể từ tháng 4/2022 với KLGD cải thiện. Trong những phiên tới, VN-Index có khả năng tăng theo đà lên vùng 1,410 - 1,420 điểm.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 07/07/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+15.09** điểm, đóng cửa tại **1402.06** điểm. HNX-Index **+3.39** điểm, đóng cửa tại **235.9** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **CTG (+2.19)**, **BID (+1.07)**, **VPB (+1.03)**, **VIC (+1.00)**, **SHB (+0.90)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GEX (-0.20)**, **HVN (-0.20)**, **BVH (-0.07)**, **FRT (-0.06)**, **PLX (-0.04)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **26,337** tỷ đồng, tăng **32.31%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **28,326** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 15.35 điểm. Thị trường có **224** mã tăng, 60 mã tham chiếu, **87** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **1227.28** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **SHB (553.21 tỷ)**, **FPT (287.94 tỷ)**, **SSI (197.74 tỷ)**, **HPG (153.39 tỷ)**, **CTG (126.61 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **66.77** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+1.40%**. Các mã diễn biến tích cực:
CTG (+3.98%) [\(Link báo cáo\)](#)
HDB (+3.33%) [\(Link báo cáo\)](#)
PDR (+3.27%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+0.64%**. Các mã diễn biến tích cực:
TCH (+6.94%) [\(Link báo cáo\)](#)
NAB (+2.62%)
OCB (+2.48%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	1.40%	0.64%	1.09%	1.34%
1 tuần	0.93%	1.44%	1.89%	2.10%
1 tháng	7.67%	4.27%	5.43%	6.32%
3 tháng	26.31%	24.79%	23.77%	25.98%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,402.06	235.90	101.61
% 1D	1.09%	1.46%	0.43%
GTKL (tỷ VND)	26,337	2,078	601
%1D	32.31%	38.02%	4.42%
GDNN (tỷ VND)	1227.28	66.77	-37.14

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SHB	553.21	GEX	-316.32
FPT	287.94	VCB	-138.26
SSI	197.74	MWG	-59.73
HPG	153.39	NKG	-30.12
CTG	126.61	HAH	-29.94

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

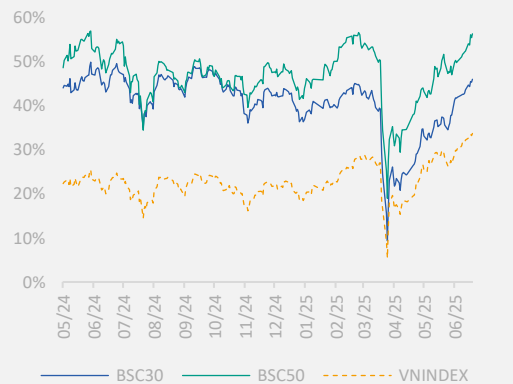
		%D	%W
SPX	6,279	0.83%	2.25%
FTSE100	8,820	-0.04%	0.67%
Eurostoxx	5,299	0.11%	-0.27%
Shanghai	3,473	0.02%	0.83%
Nikkei	39,588	-0.56%	-2.22%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	68.69	0.57%
Giá vàng	3,288	-0.03%
Tỷ giá		
USD/VND	26,320	-0.11%
EUR/VND	31,601	-0.16%
JPY/VND	185	-0.54%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.3%	0.00%
LS LNH 1M	3.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



Mở tài khoản tại BSC

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CTG	44.40	3.98%	2.19	5.37
BID	37.20	1.78%	1.07	7.02
VPB	19.30	2.93%	1.03	7.93
VIC	93.00	1.20%	1.00	3.88
SHB	13.90	6.92%	0.90	4.07

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NVB	15.40	10.00%	1.16	1.17
SHS	14.10	4.44%	0.36	0.89
CEO	18.90	5.00%	0.33	0.54
DTK	12.80	4.07%	0.23	0.68
MBS	28.00	2.19%	0.22	0.57

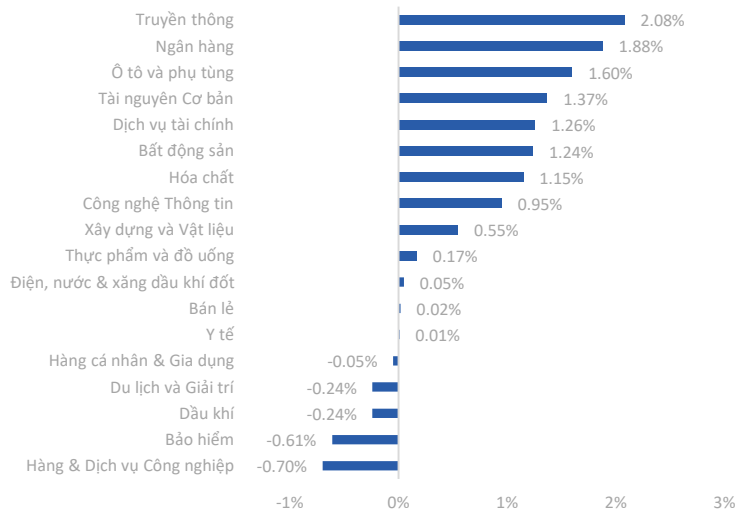
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FUEIP100	9.84	6.96%	0.00	0.00
LGL	4.47	6.94%	0.00	0.65
TCH	22.35	6.94%	0.24	13.08
SHB	13.90	6.92%	0.89	255.69
VPH	5.59	6.88%	0.01	0.85

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BBS	20.00	9.89%	0.04	0.00
INN	63.40	9.88%	0.42	0.00
GKM	4.50	9.76%	0.05	0.78
HKT	10.40	9.47%	0.02	0.00
V21	7.10	9.23%	0.03	0.02

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GEX	39.00	-2.50%	-0.20	0.90
HVN	38.00	-1.04%	-0.20	2.21
BVH	54.50	-0.73%	-0.07	0.74
FRT	186.40	-1.06%	-0.06	0.14
PLX	37.10	-0.40%	-0.04	1.27

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DNP	19.50	-8.88%	-0.16	0.14
HHC	111.00	-9.98%	-0.12	0.02
NFC	58.70	-9.69%	-0.06	0.02
SEB	46.50	-4.52%	-0.04	0.03
VCS	48.70	-0.81%	-0.04	0.16

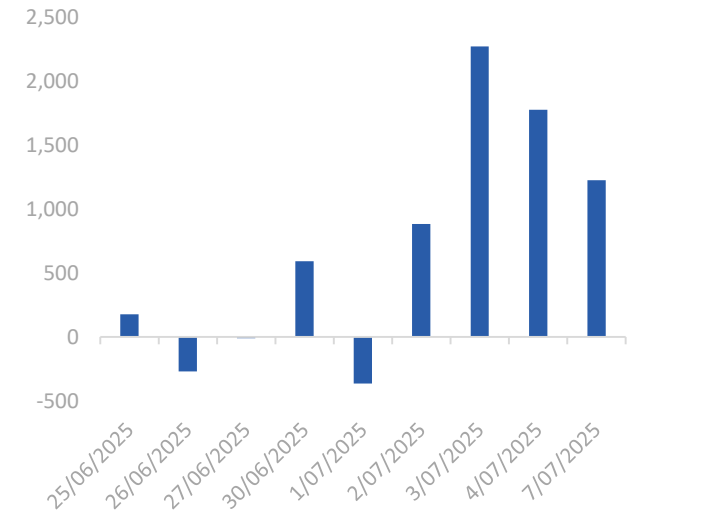
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GDT	21.70	-5.86%	-0.01	0.64
SFI	27.60	-5.15%	-0.01	0.00
CMV	8.00	-4.42%	0.00	0.01
PMG	7.46	-3.12%	0.00	0.00
NAF	24.25	-3.00%	-0.01	0.69

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HHC	111.00	-9.98%	-0.68	0.00
SMT	9.10	-9.90%	-0.02	0.01
VE3	7.40	-9.76%	0.00	0.00
KDM	14.90	-9.70%	-0.04	0.05
NFC	58.70	-9.69%	-0.34	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	66.5	0.3%	1.4	98,328	558.8	2,976	22.3		48.7%	
KBC	Bất động sản	27.0	0.6%	1.3	25,380	150.4	1,615	16.7		18.1%	
KDH	Bất động sản	30.0	1.0%	1.2	30,334	85.0	896	33.5		35.1%	
PDR	Bất động sản	19.0	3.3%	1.5	17,192	372.3	179	105.7	23,600	10.0%	Link
VHM	Bất động sản	76.9	1.2%	1.0	315,860	267.1	7,766	9.9	81,300	10.6%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	123.8	1.1%	0.8	183,389	924.6	5,611	22.1	136,500	40.7%	Link
BSR	Dầu khí	18.0	0.0%	0.0	55,654	46.5	(37)	-488.3		0.3%	
PVS	Dầu khí	32.1	-0.3%	1.5	15,343	177.4	2,303	13.9	38,600	12.5%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.8	1.1%	1.5	25,649	296.7	1,367	17.4		38.3%	
SSI	Dịch vụ tài chính	26.3	1.5%	1.2	51,860	895.5	1,545	17.0		36.6%	
VCI	Dịch vụ tài chính	37.1	1.1%	1.4	26,808	421.9	1,602	23.2		29.0%	
DCM	Hóa chất	33.8	1.1%	1.3	17,867	137.3	2,805	12.0	37,800	4.8%	Link
DGC	Hóa chất	102.2	0.2%	1.5	38,813	268.6	8,224	12.4	109,300	15.0%	Link
ACB	Ngân hàng	22.3	1.8%	0.9	114,291	418.2	3,224	6.9	30,400	29.9%	Link
BID	Ngân hàng	37.2	1.8%	1.0	261,195	416.9	3,643	10.2	47,000	17.5%	Link
CTG	Ngân hàng	44.4	4.0%	1.2	238,428	548.8	4,806	9.2	50,000	27.2%	Link
HDB	Ngân hàng	23.3	3.3%	1.1	81,435	636.5	3,985	5.9	26,400	16.4%	Link
MBB	Ngân hàng	26.4	1.5%	1.0	161,100	503.4	4,049	6.5	28,200	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	12.5	2.9%	1.1	32,500	365.4	2,150	5.8	14,000	27.6%	Link
STB	Ngân hàng	47.6	1.1%	1.1	89,642	518.6	5,767	8.2		19.8%	
TCB	Ngân hàng	35.3	1.0%	1.1	249,389	552.7	3,013	11.7	33,100	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	14.2	2.9%	1.1	37,384	368.3	2,383	5.9	-	23.0%	Link
VCB	Ngân hàng	58.6	0.3%	0.8	489,643	479.2	4,063	14.4	69,200	22.1%	Link
VIB	Ngân hàng	18.7	1.6%	1.0	55,710	263.6	2,400	7.8	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	19.3	2.9%	0.9	153,125	1059.5	2,030	9.5	24,000	24.6%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	23.6	1.5%	1.3	181,141	854.5	1,628	14.5	35,800	22.3%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	17.4	2.4%	1.5	10,774	230.1	749	23.2	16,800	8.1%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	34.8	0.4%	1.5	11,630	276.7	3,930	8.8	32,200	6.5%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	74.8	0.3%	1.3	107,589	440.2	1,518	49.3	82,500	25.4%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	57.9	0.2%	0.7	121,008	218.4	4,194	13.8	64,500	48.4%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	44.1	0.57%	1.5	9,654	102.9	2,098	21.0	27.2%	15.7%	Link
FRT	Bán lẻ	186.4	-1.06%	0.9	25,396	259.0	3,279	56.9	32.3%	24.0%	Link
BVH	Bảo hiểm	54.5	-0.73%	1.2	40,457	16.5	2,975	18.3	27.3%	9.7%	
DIG	Bất động sản	18.6	1.92%	1.5	12,024	401.9	303	61.4	4.2%	2.5%	
DXG	Bất động sản	17.3	0.88%	1.6	17,576	238.2	310	55.7	24.0%	2.5%	Link
HDC	Bất động sản	26.4	2.33%	1.3	4,700	240.1	443	59.6	3.5%	3.4%	
HDG	Bất động sản	25.6	0.99%	1.4	9,471	78.0	762	33.6	17.9%	4.6%	Link
IDC	Bất động sản	46.9	1.08%	1.4	15,477	96.4	4,982	9.4	19.7%	31.2%	
NLG	Bất động sản	39.5	0.89%	1.4	15,210	104.6	1,827	21.6	47.1%	7.4%	Link
SIP	Bất động sản	70.6	2.32%	1.3	14,864	78.6	6,076	11.6	4.1%	29.7%	
SZC	Bất động sản	37.2	-0.27%	1.1	6,695	91.6	2,036	18.3	3.1%	11.8%	Link
TCH	Bất động sản	22.4	6.94%	1.4	14,935	287.0	1,279	17.5	10.9%	9.1%	Link
VIC	Bất động sản	93.0	1.20%	1.0	355,601	186.7	2,823	33.0	6.8%	8.0%	
VRE	Bất động sản	25.5	1.39%	0.9	57,944	95.0	1,844	13.8	17.9%	10.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	41.0	-0.85%	1.3	8,663	69.2	1,650	24.9	36.3%	12.4%	Link
PLX	Dầu khí	37.1	-0.40%	1.1	47,139	36.6	1,535	24.2	17.2%	7.6%	Link
PVD	Dầu khí	20.0	-0.74%	1.3	11,118	104.5	1,246	16.1	3.7%	4.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	39.9	1.27%	1.5	13,825	209.7	1,649	24.2	28.0%	13.7%	
MBS	Dịch vụ tài chính	28.0	2.19%	1.6	16,038	188.4	1,650	17.0	6.2%	12.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	66.5	0.15%	1.1	155,788	33.5	4,543	14.6	1.9%	17.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.5	0.00%	1.3	31,498	182.4	546	24.6	3.3%	4.0%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	66.5	-0.15%	0.8	36,020	57.6	3,922	17.0	49.0%	11.4%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	90.0	0.22%	0.7	53,245	84.1	2,765	32.6	11.2%	8.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	39.0	-2.50%	1.5	35,194	808.5	1,954	20.0	9.4%	12.8%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	60.4	-0.17%	1.2	25,380	175.9	3,797	15.9	41.0%	11.9%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	68.1	-1.30%	1.2	8,846	176.6	5,594	12.2	5.0%	25.8%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17.9	-0.28%	1.2	8,388	36.4	2,293	7.8	9.8%	14.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	120.6	-0.33%	0.0	14,687	182.9	3,235	37.3	6.0%	24.9%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	82.5	-0.24%	1.2	27,877	27.4	6,105	13.5	49.0%	18.6%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	31.1	0.32%	1.0	3,484	60.5	2,608	11.9	49.9%	13.2%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	21.1	0.96%	1.6	2,587	31.6	2,580	8.2	16.8%	17.0%	Link
DPM	Hóa chất	38.8	0.91%	1.2	15,184	210.7	1,223	31.7	7.9%	4.3%	Link
GVR	Hóa chất	29.8	1.54%	1.4	119,000	82.6	1,174	25.3	1.0%	8.9%	
EIB	Ngân hàng	23.7	1.07%	1.1	44,053	584.2	1,856	12.7	5.2%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	33.5	2.29%	0.5	100,074	178.9	3,333	10.1	0.8%	23.7%	
NAB	Ngân hàng	17.6	2.62%	0.0	24,157	57.9	2,809	6.3	1.8%	20.4%	
OCB	Ngân hàng	12.4	2.48%	1.0	30,576	95.5	1,189	10.4	19.5%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	13.7	0.37%	1.5	6,132	159.3	1,122	12.2	5.4%	5.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	23.6	-1.26%	1.6	6,284	65.3	612	38.6	3.0%	5.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.1	0.89%	0.7	10,352	100.1	1,382	24.6	3.4%	12.2%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	46.4	0.00%	0.7	59,511	64.7	3,217	14.4	58.9%	17.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	58.0	0.35%	1.3	13,018	54.6	5,567	10.4	22.4%	14.4%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	140.3	0.94%	0.9	11,485	17.3	13,288	10.6	85.7%	38.6%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	84.0	-0.24%	1.5	8,394	96.7	3,238	25.9	48.7%	3.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	101.8	0.10%	1.3	11,644	45.2	4,754	21.4	9.9%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	44.7	1.13%	1.6	4,506	82.6	2,336	19.1	7.2%	12.2%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.7	1.60%	1.4	6,017	140.9	1,085	11.7	9.8%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	21.9	0.00%	1.2	7,814	45.5	1,237	17.7	15.1%	8.1%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	22.9	0.22%	1.3	14,804	184.2	915	25.0	8.4%	7.4%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	44.5	0.45%	1.4	19,952	20.3	2,720	16.4	5.6%	14.6%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
2	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
7	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
8	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
9	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
21	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức	x		Click
22	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click
23	BSC_ Báo cáo ngành Q3.2024		x	Click
24	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2024		x	Click
25	BSC_ Báo cáo ngành Q1.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyễn Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>